SAO Y; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thời gian ký: 2026-11-06T16:05:08+07:00
Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 09.11.2026 11:32:54 +07:00

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 57 /2026/TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ
Quy định về trình tự, thủ tục giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2026/QH16;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15, Luật số 23/2026/QH16;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2026/QH16;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống rửa tiền;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về trình tự, thủ tục giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về trình tự, thủ tục giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2026/QH16 (sau đây gọi là Luật Phòng, chống rửa tiền) thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đơn vị thực hiện giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là đơn vị thực hiện giám

sát).

2. Đối tượng giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền là đối tượng báo cáo theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước (sau đây gọi là đối tượng giám sát).

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến trình tự, thủ tục giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền là quá trình đơn vị thực hiện giám sát thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu; đánh giá mức độ tuân thủ, đánh giá mức độ rủi ro và thực hiện các biện pháp áp dụng trong giám sát về phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng giám sát.

2. Giám sát tuân thủ là việc đơn vị thực hiện giám sát xem xét, theo dõi, đánh giá, phân tích, nhận định về tình hình tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền; tình hình thực hiện chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát.

3. Giám sát trên cơ sở rủi ro là việc đơn vị thực hiện giám sát đánh giá, phân tích, nhận định về mức độ rủi ro của đối tượng giám sát, từ đó phân bổ nguồn lực, tần suất và biện pháp áp dụng trong giám sát dựa trên mức độ rủi ro về rửa tiền của đối tượng giám sát.

4. Chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát là việc Ngân hàng Nhà nước (hoặc Ngân hàng Nhà nước được cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác đề nghị) chỉ đạo, yêu cầu đối tượng giám sát thực hiện một số nội dung, công việc tại các văn bản sau đây:

a) Kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán, kết quả kiểm tra, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền;

b) Văn bản khuyến nghị, cảnh báo trong giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền;

c) Văn bản khác của Ngân hàng Nhà nước có yêu cầu nội dung, công việc cụ thể liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền.

5. Tiếp xúc đối tượng giám sát là việc đơn vị thực hiện giám sát yêu cầu đối tượng giám sát báo cáo, giải trình, cung cấp tài liệu chứng minh tính chính xác, đầy đủ của tài liệu, thông tin, báo cáo và làm rõ những vấn đề có liên quan đến rủi ro, việc chấp hành các quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền và chấp hành không đầy đủ chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phục vụ hoạt động giám sát phòng, chống rửa tiền.

6. Quản lý cơ sở dữ liệu giám sát phòng, chống rửa tiền là việc đơn vị thực hiện giám sát thực hiện thu thập, cập nhật, tổng hợp, sử dụng tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ giám sát về hoạt động phòng, chống rửa tiền.

Điều 4. Nguyên tắc giám sát

1. Giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền thực hiện theo quy định của pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, kịp thời; không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng giám sát.

2. Kết hợp giám sát tuân thủ và giám sát trên cơ sở rủi ro phù hợp với đặc điểm, mức độ rủi ro của các nhóm đối tượng giám sát, nguồn lực và thực tiễn công tác giám sát.

3. Kết hợp giữa hoạt động giám sát từ xa và thanh tra, kiểm tra tại chỗ; tăng cường phối hợp, chia sẻ thông tin, đảm bảo sự phối hợp giữa đơn vị thực hiện giám sát với các đơn vị có chức năng thanh tra, kiểm tra trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm về nội dung phòng, chống rửa tiền.

Điều 5. Trình tự, thủ tục giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền

Trình tự, thủ tục giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền thực hiện như sau:

1. Bước 1: Thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu.

2. Bước 2: Thực hiện các nội dung giám sát tuân thủ, giám sát trên cơ sở rủi ro.

3. Bước 3: Lập báo cáo giám sát, đề xuất các biện pháp áp dụng trong giám sát.

Điều 6. Quản lý, lưu trữ, sử dụng tài liệu, thông tin, dữ liệu

1. Tài liệu, thông tin, dữ liệu sau khi được thu thập, tổng hợp, xử lý phải được lưu trữ, quản lý để phục vụ cho công tác giám sát một cách khoa học, đầy đủ theo quy định pháp luật hiện hành về lưu trữ.

2. Việc quản lý, lưu trữ, sử dụng tài liệu, thông tin, dữ liệu có thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Việc bảo mật thông tin, dữ liệu do đối tượng giám sát cung cấp được thực hiện theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và pháp luật có liên quan.

4. Tài liệu, thông tin, dữ liệu giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền được chia sẻ, cung cấp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong nước và nước ngoài theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Chương II
THU THẬP, TỔNG HỢP VÀ XỬ LÝ TÀI LIỆU, THÔNG TIN, DỮ LIỆU

Điều 7. Thu thập tài liệu, thông tin, dữ liệu

1. Các nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ cho giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền bao gồm:

a) Thông tin, tài liệu, dữ liệu, báo cáo của đối tượng giám sát theo quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền và theo quy định tại Thông tư này;

b) Kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền; kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo;

c) Thông tin, dữ liệu báo cáo theo quy định pháp luật hiện hành về chế độ báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước;

d) Thông tin về kết luận thanh tra, kiểm tra; xử lý sau thanh tra, kiểm tra về phòng, chống rửa tiền;

đ) Thông tin có liên quan từ hoạt động cấp phép của Ngân hàng Nhà nước;

e) Thông tin từ kết quả xếp hạng và xếp loại của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng giám sát (nếu có);

g) Báo cáo theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, cơ quan có thẩm quyền khác liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền;

h) Chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát liên quan đến nội dung phòng, chống rửa tiền;

i) Biên bản làm việc, văn bản giải trình, hồ sơ khác của đối tượng giám sát theo yêu cầu của các cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra và các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nội dung phòng, chống rửa tiền;

k) Tài liệu, thông tin, dữ liệu liên quan đến phòng, chống rửa tiền từ các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong nước và nước ngoài; từ các nguồn khác (nếu có).

2. Đơn vị thực hiện giám sát thu thập các thông tin tại khoản 1 Điều này từ hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa, các hệ thống thông tin khác của Ngân hàng Nhà nước (nếu có) và theo cách thức phù hợp với nguồn và loại hình thông tin, dữ liệu cần thu thập.

3. Ngoài tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị thực hiện giám sát yêu cầu đối tượng giám sát cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu căn cứ yêu cầu giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền.

Điều 8. Tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu

Căn cứ nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1, 3 Điều 7 Thông tư này, đơn vị thực hiện giám sát thực hiện tổng hợp, xử lý như sau:

1. Rà soát, phân loại thông tin nhận được; đánh giá tính đầy đủ của tài liệu, thông tin, dữ liệu; so sánh, đối chiếu các tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập được với các dữ liệu lịch sử và các nguồn khác (nếu có).

2. Khi phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu không chính xác, chưa được cập nhật hoặc cần phải làm rõ theo yêu cầu giám sát hoặc những vấn đề có liên quan đến việc chấp hành không đầy đủ các quy định pháp luật phòng, chống rửa tiền, chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc liên quan đến rủi ro rửa tiền, đơn vị thực hiện giám sát yêu cầu đối tượng giám sát báo cáo, giải trình thông qua hình thức tiếp xúc đối tượng giám sát quy định tại Chương V Thông tư này.

3. Căn cứ các thông tin đã được thu thập, tổng hợp, xử lý, đơn vị thực hiện giám sát thực hiện các nội dung quy định tại Chương III, IV, V, VI Thông tư này.

Chương III
NỘI DUNG GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Điều 9. Giám sát tuân thủ

Đơn vị thực hiện giám sát thực hiện giám sát tuân thủ các nội dung sau đây đối với các đối tượng giám sát:

1. Xem xét, theo dõi, đánh giá, phân tích, nhận định về việc tuân thủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định tại các điều 15, 25, 26, 34, 36, 37 Luật Phòng, chống rửa tiền, các văn bản quy định chi tiết và các quy định về chế độ thông tin, báo cáo liên quan.

2. Xem xét, theo dõi, đánh giá, phân tích, nhận định về quy định nội bộ của đối tượng giám sát theo quy định tại Điều 24 Luật Phòng, chống rửa tiền và các văn bản quy định chi tiết có liên quan.

3. Giám sát việc tuân thủ các chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát về phòng, chống rửa tiền (nếu có).

Điều 10. Giám sát trên cơ sở rủi ro

Đơn vị thực hiện giám sát thực hiện đánh giá, phân tích, nhận định về mức độ rủi ro của đối tượng giám sát theo các nội dung sau:

1. Nội dung đánh giá rủi ro rửa tiền bao gồm:

a) Đánh giá rủi ro cấu trúc là việc đánh giá rủi ro rửa tiền từ quy mô hoạt động và mô hình tổ chức của đối tượng giám sát;

b) Đánh giá rủi ro cố hữu là việc đánh giá rủi ro rửa tiền từ khách hàng; sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng; cách thức phân phối sản phẩm, dịch vụ và khu vực địa lý;

c) Đánh giá cơ chế kiểm soát, phòng ngừa rủi ro rửa tiền là việc đánh giá rủi ro từ công tác quản trị, điều hành trong công tác phòng, chống rửa tiền; việc ban hành, thực hiện các chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền và các thông tin liên quan khác (nếu có).

2. Định kỳ, đơn vị thực hiện giám sát yêu cầu và hướng dẫn đối tượng giám sát cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu thuộc nội dung đánh giá rủi ro rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều này để đánh giá, phân tích, chấm điểm và xếp loại mức độ rủi ro rửa tiền, cụ thể như sau:

a) Thông tin để phục vụ đánh giá rủi ro cấu trúc bao gồm: Giấy phép hoạt động, tổng tài sản, cơ cấu tổ chức quản lý; mạng lưới hoạt động trong nước và nước ngoài; thông tin về ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; thông tin về công ty mẹ, công ty con (nếu có);

b) Thông tin để phục vụ đánh giá rủi ro cố hữu bao gồm:

Rủi ro rửa tiền từ khách hàng bao gồm thông tin về số lượng khách hàng, số lượng tài khoản, tổng giá trị giao dịch phân theo: Mức độ rủi ro rửa tiền của khách hàng do đối tượng giám sát phân loại, khách hàng cá nhân/khách hàng tổ chức, khách hàng cư trú/khách hàng không cư trú, ngành nghề kinh doanh;

Rủi ro rửa tiền từ sản phẩm, dịch vụ bao gồm thông tin về số lượng khách hàng và tổng giá trị giao dịch của khách hàng phân theo các sản phẩm, dịch vụ có mức độ rủi ro cao về rửa tiền;

Rủi ro rửa tiền từ cách thức phân phối sản phẩm, dịch vụ bao gồm thông tin về số lượng khách hàng, số lượng giao dịch và tổng giá trị giao dịch thực hiện qua từng kênh phân phối: giao dịch trực tiếp, giao dịch điện tử từ xa hoặc kênh khác;

Rủi ro rửa tiền từ khu vực địa lý gồm thông tin về số lượng khách hàng và tổng giá trị các giao dịch có liên quan đến quốc gia, vùng lãnh thổ có rủi ro cao về rửa tiền hoặc các khu vực địa lý trong nước có rủi ro cao về rửa tiền;

c) Thông tin để phục vụ đánh giá cơ chế kiểm soát, phòng ngừa rủi ro tại đối tượng giám sát bao gồm: Thông tin về quản trị, điều hành trong công tác phòng, chống rửa tiền; thông tin về việc ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; thông tin về việc phân công, sắp xếp nhân sự thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền; thông tin về việc thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro rửa tiền hằng năm, việc xây dựng và ban hành chính sách

kiểm soát rủi ro rửa tiền; thông tin về quy trình giám sát giao dịch và cơ chế báo cáo giao dịch đáng ngờ; thông tin về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về phòng, chống rửa tiền; thông tin về công tác kiểm soát, kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền; thông tin về việc theo dõi và tình hình khắc phục các phát hiện kiểm toán (nếu có).

3. Đơn vị thực hiện giám sát thực hiện giám sát trên cơ sở rủi ro theo nội dung đánh giá, phương pháp, công cụ chấm điểm rủi ro do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định đối với các nhóm đối tượng giám sát khác nhau trong từng thời kỳ để đánh giá, phân tích, chấm điểm và xếp loại mức độ rủi ro rửa tiền.

4. Đơn vị thực hiện giám sát báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước kết quả xếp loại đối tượng giám sát theo các mức độ rủi ro; xem xét, phân bổ nguồn lực giám sát và đề xuất áp dụng các biện pháp giám sát theo quy định tại Chương VI Thông tư này tương ứng với mức độ rủi ro rửa tiền đã được xác định đối với đối tượng giám sát.

5. Đơn vị thực hiện giám sát thực hiện kết hợp với các nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu sẵn có và các nguồn tài liệu, thông tin, dữ liệu khác (nếu có) để xác định đối tượng, tần suất, nội dung, quy mô giám sát, kiểm tra phục vụ việc xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất.

Chương IV
LẬP BÁO CÁO, HỒ SƠ GIÁM SÁT

Điều 11. Lập báo cáo giám sát

1. Trên cơ sở kết quả giám sát tuân thủ, giám sát trên cơ sở rủi ro theo quy định tại Chương III Thông tư này và căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành, đơn vị thực hiện giám sát tiến hành:

a) Lập báo cáo giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền hằng năm và đột xuất (nếu có phát sinh) theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Đề xuất, thực hiện các biện pháp áp dụng trong giám sát quy định tại Chương VI Thông tư này (nếu cần thiết);

c) Kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống rửa tiền (nếu có).

2. Nguyên tắc lập, phê duyệt, gửi báo cáo giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đột xuất:

a) Báo cáo giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đột xuất phải được đơn vị thực hiện giám sát lập khi phát hiện các rủi ro rửa tiền của đối tượng giám sát có thể tác động xấu đến ngành, lĩnh vực hoặc khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Báo cáo giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đột xuất được phê duyệt bởi Thủ trưởng đơn vị thực hiện giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền và được gửi đến Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước để báo cáo.

3. Nguyên tắc lập, phê duyệt và gửi báo cáo giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền hằng năm:

a) Báo cáo giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền hằng năm được hoàn thành trước ngày 31 tháng 01 năm tiếp theo;

b) Báo cáo giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền hằng năm được phê duyệt bởi Thủ trưởng đơn vị thực hiện giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền và được gửi đến Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước để báo cáo.

Điều 12. Hồ sơ giám sát

1. Trên cơ sở báo cáo, tài liệu, thông tin, dữ liệu tiếp nhận và thu thập của đối tượng giám sát, đơn vị thực hiện giám sát lập hồ sơ giám sát cho đối tượng giám sát. Hồ sơ giám sát là tập hợp dữ liệu bao gồm tài liệu, thông tin, dữ liệu thu thập về đối tượng giám sát, báo cáo giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền (định kỳ và đột xuất) và hồ sơ về các biện pháp áp dụng trong giám sát đối với đối tượng giám sát (nếu có).

2. Hồ sơ giám sát quy định tại khoản 1 Điều này được lưu trữ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành ngân hàng và quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Chương V
TIẾP XÚC ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

Điều 13. Hình thức tiếp xúc đối tượng giám sát

Việc tiếp xúc đối tượng giám sát được thực hiện thông qua các hình thức sau đây:

1. Yêu cầu giải trình bằng văn bản.

2. Làm việc trực tiếp.

Điều 14. Yêu cầu giải trình bằng văn bản

1. Khi phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu có nội dung và phạm vi giám sát không chính xác, chưa được cập nhật hoặc cần làm rõ theo yêu cầu giám sát hoặc những vấn đề có liên quan đến việc chấp hành không đầy đủ các quy định pháp luật phòng, chống rửa tiền, chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc liên quan đến rủi ro rửa tiền của đối tượng giám sát, đơn vị thực hiện giám sát có văn bản yêu cầu đối tượng giám sát giải trình.

2. Đối tượng giám sát phải có văn bản giải trình theo đúng thời hạn tại văn bản yêu cầu giải trình, bao gồm tối thiểu các nội dung:

a) Nội dung giải trình theo từng yêu cầu cụ thể, trong đó bao gồm cả phân tích thực trạng, nguyên nhân;

b) Đề xuất biện pháp chỉnh sửa, cập nhật thông tin, dữ liệu hoặc phương án khắc phục trong trường hợp đơn vị thực hiện giám sát yêu cầu.

Điều 15. Làm việc trực tiếp

1. Khi phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu có nội dung và phạm vi giám sát không chính xác, chưa được cập nhật hoặc cần làm rõ theo yêu cầu giám sát hoặc những vấn đề có liên quan đến việc chấp hành không đầy đủ các quy định pháp luật phòng, chống rửa tiền, chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc liên quan đến rủi ro rửa tiền của đối tượng giám sát, đơn vị thực hiện giám sát tổ chức làm việc trực tiếp với đối tượng giám sát.

2. Trước khi làm việc trực tiếp, đơn vị thực hiện giám sát phải thông báo bằng văn bản tới đối tượng giám sát trước ít nhất 03 ngày làm việc, trừ trường hợp có yêu cầu khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản thông báo phải nêu rõ thành phần tham gia, nội dung, thời gian, địa điểm làm việc.

3. Kết quả làm việc trực tiếp với đối tượng giám sát phải được lập thành biên bản và có ký xác nhận giữa đại diện đơn vị thực hiện giám sát và đối tượng giám sát.

Chương VI
CÁC BIỆN PHÁP ÁP DỤNG TRONG GIÁM SÁT

Điều 16. Các biện pháp áp dụng trong giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền

Căn cứ kết quả giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền, đơn vị thực hiện giám sát có thể thực hiện một hoặc một số biện pháp áp dụng trong giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền, bao gồm:

1. Áp dụng hoặc điều chỉnh các biện pháp giám sát tương ứng với mức độ tuân thủ và rủi ro của đối tượng giám sát.

2. Khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát.

3. Kiến nghị người có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật, trong đó bao gồm kiến nghị, đề xuất tiến hành thanh tra, kiểm tra đối tượng giám sát khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, dấu hiệu rủi ro về phòng, chống rửa tiền trong hoạt động.

Điều 17. Biện pháp giám sát thường xuyên

1. Đối với đối tượng giám sát được xác định có mức độ rủi ro rửa tiền trung

bình, căn cứ kết quả giám sát, Thủ trưởng đơn vị thực hiện giám sát quyết định áp dụng các biện pháp giám sát sau:

a) Thực hiện giám sát từ xa thông qua việc thu thập, phân tích dữ liệu, thông tin và các báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

b) Thực hiện hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra, kiểm tra tại chỗ (nếu cần thiết);

c) Tiếp xúc đối tượng giám sát và yêu cầu đối tượng giám sát rà soát, khắc phục các tồn tại, hạn chế được phát hiện qua công tác giám sát từ xa và thanh tra, kiểm tra tại chỗ trong thời hạn quy định.

2. Đơn vị thực hiện giám sát định kỳ theo dõi, rà soát, cập nhật mức độ rủi ro của đối tượng giám sát:

a) Trường hợp rủi ro gia tăng hoặc mức độ tuân thủ giảm sút, đơn vị thực hiện giám sát xem xét, điều chỉnh sang áp dụng các biện pháp giám sát tăng cường quy định tại Điều 18 Thông tư này;

b) Trường hợp rủi ro giảm và mức độ tuân thủ được cải thiện, đơn vị thực hiện giám sát xem xét, điều chỉnh sang áp dụng các biện pháp giám sát giảm nhẹ quy định tại Điều 19 Thông tư này.

Điều 18. Biện pháp giám sát tăng cường theo mức độ tuân thủ và rủi ro

1. Đối với đối tượng giám sát được xác định có mức độ rủi ro rửa tiền cao, căn cứ kết quả giám sát, Thủ trưởng đơn vị thực hiện giám sát yêu cầu đối tượng giám sát thực hiện một hoặc một số biện pháp giám sát tăng cường tại đối tượng giám sát để giảm thiểu rủi ro rửa tiền như sau:

a) Xây dựng và thực hiện các biện pháp kiểm soát đối với các rủi ro được phát hiện và đánh giá, trình cấp có thẩm quyền thực hiện đánh giá hoặc cập nhật rủi ro; sửa đổi, bổ sung quy trình, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị (nếu cần thiết);

b) Tăng cường nguồn lực, công nghệ và biện pháp để xác định, phòng ngừa và hạn chế rủi ro;

c) Xem xét tăng tần suất và phạm vi kiểm soát nội bộ về phòng, chống rửa tiền và báo cáo kết quả cho đơn vị thực hiện giám sát.

2. Ngoài thực hiện các biện pháp giám sát tăng cường quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị thực hiện giám sát căn cứ vào kết quả giám sát tuân thủ hoạt động phòng, chống rửa tiền và các yếu tố khác có liên quan để xem xét quyết định áp dụng một hoặc một số hoạt động sau:

a) Tăng cường giám sát từ xa thông qua yêu cầu đối tượng giám sát cung cấp, cập nhật dữ liệu, thông tin và báo cáo đối với những nội dung được xác định có rủi ro cao;

b) Khuyến nghị, cảnh báo đối với yếu tố được xác định có rủi ro cao, yêu cầu xây dựng kế hoạch khắc phục;

c) Tăng tần suất làm việc trực tiếp với người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền của đối tượng giám sát;

d) Thực hiện hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành thanh tra, kiểm tra tại chỗ đối với đối tượng giám sát với tần suất cao hơn với mức độ giám sát thường xuyên (nếu cần thiết).

3. Đơn vị thực hiện giám sát định kỳ theo dõi, rà soát, cập nhật mức độ rủi ro của đối tượng giám sát áp dụng biện pháp giám sát tăng cường. Trường hợp phát hiện rủi ro giảm và mức độ tuân thủ được cải thiện, đơn vị thực hiện giám sát xem xét, chấm dứt áp dụng biện pháp giám sát tăng cường và điều chỉnh áp dụng biện pháp giám sát tương ứng với mức độ rủi ro theo quy định tại Điều 17, 19 Thông tư này.

Điều 19. Biện pháp giám sát giảm nhẹ theo mức độ tuân thủ và rủi ro

1. Đối với đối tượng giám sát được xác định có mức độ rủi ro rửa tiền thấp, căn cứ kết quả giám sát, Thủ trưởng đơn vị thực hiện giám sát xem xét quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp giám sát giảm nhẹ sau:

a) Thực hiện hoặc đề xuất, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền giảm tần suất hoặc thời gian thanh tra, kiểm tra so với đối tượng giám sát có mức độ rủi ro cao hoặc trung bình (nếu cần thiết);

b) Chuyển trọng tâm từ thanh tra, kiểm tra tại chỗ sang giám sát từ xa thông qua việc phân tích báo cáo, dữ liệu, thông tin tuân thủ và các nguồn thông tin khác (nếu có);

c) Giảm tần suất tiếp xúc, làm việc trực tiếp giữa đơn vị thực hiện giám sát và đối tượng giám sát.

2. Việc áp dụng biện pháp giám sát giảm nhẹ không miễn trừ trách nhiệm của đối tượng giám sát trong thực hiện quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Đơn vị thực hiện giám sát định kỳ theo dõi, rà soát, cập nhật mức độ rủi ro của đối tượng giám sát được áp dụng biện pháp giám sát giảm nhẹ. Trường hợp phát hiện rủi ro gia tăng, đơn vị thực hiện giám sát xem xét chấm dứt áp dụng biện pháp giám sát giảm nhẹ và điều chỉnh áp dụng biện pháp giám sát tương ứng với mức độ rủi ro theo quy định tại Điều 17, 18 Thông tư này.

Điều 20. Khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát

1. Căn cứ kết quả giám sát, Thủ trưởng đơn vị thực hiện giám sát ban hành văn bản khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát về các rủi ro, tồn tại, hạn chế được phát hiện.

2. Khi nhận được các khuyến nghị, cảnh báo, đối tượng giám sát có trách nhiệm kịp thời báo cáo, giải trình theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát, bao gồm tối thiểu các nội dung: thực trạng, nguyên nhân và kế hoạch khắc phục. Thời hạn nộp báo cáo, giải trình của đối tượng giám sát được nêu cụ thể trong văn bản khuyến nghị, cảnh báo gửi đối tượng giám sát. Đơn vị thực hiện giám sát có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện khuyến nghị, cảnh báo của đối tượng giám sát.

3. Trường hợp đối tượng giám sát không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các khuyến nghị, cảnh báo rủi ro rửa tiền, đơn vị thực hiện giám sát kiến nghị cấp có thẩm quyền áp dụng các biện pháp áp dụng trong giám sát quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này.

Chương VII
TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN

Điều 21. Trách nhiệm của Cục Phòng, chống rửa tiền

1. Đầu mối tham mưu Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn, tổ chức triển khai hoạt động giám sát phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; thực hiện nhiệm vụ đơn vị thực hiện giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền theo quy định tại Thông tư này, trừ nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều 25 Thông tư này.

2. Chủ trì xây dựng, ban hành Sổ tay giám sát và hướng dẫn nghiệp vụ giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền.

3. Tham mưu Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phân công đơn vị thực hiện giám sát đối với một số đối tượng giám sát theo quy mô, địa bàn quản lý và phù hợp với mức độ rủi ro trong từng thời kỳ.

4. Cung cấp thông tin giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền cho các đơn vị có chức năng thanh tra, kiểm tra thuộc Ngân hàng Nhà nước trước ngày 10 tháng 11 hằng năm để phục vụ việc lập kế hoạch thanh tra, kiểm tra.

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống công nghệ thông tin để chia sẻ, hỗ trợ hoạt động giám sát phòng, chống rửa tiền.

Điều 22. Trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra về phòng, chống rửa tiền hàng

năm đối với đối tượng thanh tra, kiểm tra thuộc quyền quản lý trong đó có căn cứ vào thông tin giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền do đơn vị thực hiện giám sát cung cấp hàng năm.

2. Cung cấp thông tin liên quan đến kết luận thanh tra, kiểm tra, xử lý sau thanh tra, kiểm tra về phòng, chống rửa tiền của các đối tượng thanh tra, kiểm tra cho đơn vị thực hiện giám sát và các thông tin có liên quan khác để phục vụ hoạt động giám sát.

Điều 23. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

1. Cung cấp cho đơn vị thực hiện giám sát thông tin, dữ liệu về hoạt động cấp phép, kết quả xếp hạng và thông tin khác có liên quan (khi có đề nghị) đối với các đối tượng thuộc chức năng, nhiệm vụ của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

2. Phối hợp với đơn vị thực hiện giám sát trong giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền.

Điều 24. Trách nhiệm của Vụ Thanh toán

1. Cung cấp cho đơn vị thực hiện giám sát thông tin, dữ liệu về cấp phép, kết quả kiểm tra liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền và thông tin khác có liên quan (khi có đề nghị) đối với các đối tượng thuộc chức năng, nhiệm vụ của Vụ Thanh toán.

2. Phối hợp với đơn vị thực hiện giám sát trong giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền.

Điều 25. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại các Khu vực

1. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra về phòng, chống rửa tiền hàng năm đối với đối tượng thanh tra, kiểm tra thuộc quyền quản lý trong đó có căn cứ vào thông tin giám sát về rửa tiền do đơn vị thực hiện giám sát cung cấp hàng năm.

2. Cung cấp cho đơn vị đầu mối thực hiện giám sát thông tin, dữ liệu về hoạt động cấp phép, kết luận thanh tra, kiểm tra, xử lý sau thanh tra về phòng, chống rửa tiền của các đối tượng thanh tra, kiểm tra để phục vụ hoạt động giám sát.

3. Thực hiện giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng giám sát thuộc trách nhiệm quản lý trên địa bàn khu vực theo phân công của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 26. Trách nhiệm của các đơn vị khác có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát theo quy định tại Thông tư này và theo quy định của pháp luật.

2. Phối hợp với đơn vị thực hiện giám sát trong giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền.

Điều 27. Trách nhiệm của đối tượng giám sát

1. Thực hiện báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu phục vụ công tác giám sát và chấm điểm rủi ro rửa tiền hàng năm theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 7, khoản 2 Điều 10 Thông tư này và quy định của pháp luật phòng, chống rửa tiền; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo, tài liệu, thông tin, dữ liệu cung cấp.

2. Thực hiện nội dung, yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát khi nhận được yêu cầu giải trình bằng văn bản hoặc yêu cầu làm việc trực tiếp theo quy định tại Chương V Thông tư này.

3. Chấp hành đầy đủ các biện pháp áp dụng trong giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền theo quy định tại Chương VI Thông tư này.

4. Các trách nhiệm liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2026.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Cục trưởng Cục Phòng, chống rửa tiền, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, đối tượng giám sát theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 29;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử NHNN;
- Lưu: VP, PC, PCRT4 (03).

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Nguyễn Ngọc Cảnh